

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 3**TỜ TRÌNH****Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách
phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong những năm gần đây, cùng với xu hướng hội nhập kinh tế sâu rộng, việc phát triển ngành công nghiệp Halal đã trở thành một hướng đi chiến lược của nhiều quốc gia nhằm tiếp cận thị trường hơn 2 tỷ người tiêu dùng Hồi giáo trên toàn cầu. Thị trường Halal hiện đạt quy mô khoảng 7.000 tỷ USD năm 2022 và dự kiến tăng lên 10.000 tỷ USD vào năm 2028, bao phủ nhiều lĩnh vực từ thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, đến du lịch, tài chính và logistics. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Halal đang mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam trong mở rộng xuất khẩu, thu hút đầu tư và phát triển du lịch bền vững.

Về chủ trương, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán trong định hướng phát triển kinh tế gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, đa dạng hóa thị trường, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, thể hiện rõ tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021- 2030 và các Nghị quyết của Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế. Trong lĩnh vực này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”, xác định mục tiêu xây dựng hành lang pháp lý thống nhất về tiêu chuẩn, chứng nhận, quản lý chất lượng và chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal.

Về pháp lý, hiện nay Việt Nam chưa có một văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành điều chỉnh thống nhất hoạt động sản xuất, kinh doanh và chứng nhận Halal. Các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn thực phẩm mới chỉ điều chỉnh ở mức chung, chưa bao quát đặc thù của sản phẩm và dịch vụ Halal. Điều này dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải tự tìm hiểu, đăng ký chứng nhận Halal ở nước ngoài, làm tăng chi phí, thời gian và rủi

ro pháp lý, trong khi cơ quan quản lý chưa có căn cứ để kiểm soát chất lượng hoặc thừa nhận kết quả chứng nhận quốc tế.

Bên cạnh đó, sự gia tăng nhanh chóng của du khách và người tiêu dùng Hồi giáo tại Việt Nam cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bảo đảm quyền lợi của họ thông qua hệ thống sản phẩm, dịch vụ đáp ứng chuẩn Halal; đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch Halal và mở rộng hợp tác thương mại, đầu tư với các quốc gia thành viên Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC).

Do đó, ngày 19/11/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 4555/TTr-BKHHCN trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal. Ngày 07/01/2025, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 173/VPCP-KGVX truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn về việc *“Đồng ý đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự thảo Nghị định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan, địa phương liên quan, tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định pháp luật khác có liên quan, trình Chính phủ trong Quý IV năm 2025”*.

Ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg về Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Nghị định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal và thời gian trình Chính phủ là tháng 12/2025.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal là cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, cụ thể hóa các quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời thiết lập khung pháp lý thống nhất, minh bạch cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, chứng nhận và quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam; góp phần thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư, phát triển du lịch và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị Halal toàn cầu.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo tiếng Ả Rập, "Halal" có nghĩa là "được phép" và "Haram" là bị cấm hoặc không hợp pháp. Với tín ngưỡng của mình, người Hồi giáo chỉ sử dụng những sản phẩm được Thượng đế (Allah) cho phép và thể hiện sự cho phép là sản phẩm đó được chứng thực Halal theo Kinh Qur'an và Luật Hồi giáo (Sharia). Halal bao gồm hầu như tất cả sản phẩm thiết yếu của cuộc sống như thực phẩm, đồ uống, thực phẩm hữu cơ, thực phẩm chức năng, dược phẩm, mỹ phẩm, dệt may, thủ công mỹ nghệ đến lĩnh vực dịch vụ như: ngân hàng, du lịch, an ninh, giáo dục và đào tạo, dịch vụ ăn uống, khách sạn, logistics.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm Halal phân bố khắp thế giới, từ các nước Hồi giáo đến phi Hồi giáo, từ các nền kinh tế phát triển đến đang phát triển, do các sản phẩm Halal đáp ứng nhiều tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm sức khỏe, chất lượng, xanh, sạch, có đạo đức trong chế biến và góp phần bảo vệ môi trường...

Thị trường Halal toàn cầu có tiềm năng rất lớn xét về quy mô dân số Hồi

giáo, với khoảng 2,1 tỷ người, chiếm gần 1/4 dân số thế giới. Dân số Hồi giáo sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trung bình 1,5%/năm, cao gấp đôi so với dân số phi Hồi giáo (0,7%/năm) và dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ người vào năm 2050. Theo dự báo, đến năm 2050 thế giới sẽ có 51 quốc gia có người Hồi giáo chiếm đa số, tăng 02 nước so với năm 2010 (Macedonia, Bosnia và Herzegovina)¹.

Quy mô nền kinh tế Halal toàn cầu đạt 7000 tỷ USD năm 2022 và dự kiến tăng lên khoảng 10.000 tỷ USD năm 2028 nhờ tăng trưởng quy mô dân số Hồi giáo, mức chi tiêu, sự đa dạng về lĩnh vực và triển vọng tăng trưởng trong tương lai với tốc độ khoản 6-8%/năm².

Hiện nay, trên cả nước có khoảng 90.000 tín đồ Hồi giáo trong đó Hồi giáo (Islam) có trên 36.000 tín đồ, sinh sống tập trung đông nhất tại tỉnh An Giang, TP.Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Khánh Hòa. Đã có 04 tổ chức Hồi giáo (Islam) được Nhà nước công nhận. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chỉ có khoảng 20 mặt hàng xuất khẩu ở thị trường Halal.

Năm 2023, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam với 10 đối tác thương mại lớn là thành viên Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) đạt 45,7 tỷ USD, trong đó một số thị trường Hồi giáo ở khu vực Trung Đông – Châu Phi (TĐCP) ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao như Bờ Biển Ngà (29%), Nigeria (23,6%), Thổ Nhĩ Kỳ (12%), UAE (5,9%)...; Việt Nam và một số quốc gia Hồi giáo đặt mục tiêu tăng kim ngạch thương mại song phương thời gian tới (Việt Nam – Malaysia phân đầu tăng kim ngạch thương mại lên 18 tỷ USD, Việt Nam – Indonesia lên 18 tỷ USD vào năm 2028, Việt Nam – UAE lên 10 tỷ USD, Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ lên 5 tỷ USD và Việt Nam – Iran lên 2 tỷ USD...)³; Ngày 28/10/2024, tại Dubai, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Nguyễn Hồng Diên đã cùng Quốc vụ khanh Bộ Kinh tế UAE Thani bin Ahmed Al Zeyoudi ký Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (Hiệp định CEPA) và nghiên cứu khả năng đàm phán FTA với một số nước Hồi giáo/đông tín đồ Hồi giáo như Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ...

Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng thương mại này còn rất nhiều hạn chế và bất cập:

- Hiện tại, Việt Nam chưa có một khung pháp lý thống nhất và đồng bộ để quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và chứng nhận sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn Halal. Điều này tạo ra những khó khăn, vướng mắc cho cả cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong việc phát triển ngành Halal.

- Tiêu chuẩn và chứng nhận Halal trên thế giới rất đa dạng, chưa có tiêu chuẩn chung toàn cầu. Thực trạng này dẫn đến việc doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu sang nhiều thị trường khác nhau phải xin nhiều loại chứng nhận, tốn kém chi phí và thời gian do các đòi hỏi khắt khe.

- Số lượng doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường Halal còn rất khiêm tốn. Hơn nữa, doanh nghiệp Việt Nam gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các

¹ Theo Báo cáo năm 2022 về tương lai dân số Hồi giáo toàn cầu của Pew Research Center.

² Theo World Halal Summit Council (4/2022)

³ Theo thống kê sơ bộ của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương.

nước có cơ cấu xuất khẩu tương đồng và đã quen với thị trường Halal như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan.

Ngành du lịch đang từng nhịp bước vào giai đoạn phục hồi và phát triển mới, tiến tới mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị. Hoạt động thu hút khách quốc tế ghi nhận sự sôi động trở lại trên cả nước, trong đó có khách du lịch Hồi giáo. Khách Hồi giáo đến Việt Nam chủ yếu từ các nguồn thị trường chính là Đông Nam Á, Nam Á và có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây. Theo thống kê năm 2023, Việt Nam đón hơn 470 nghìn lượt khách từ Malaysia (1 trong 10 thị trường khách đến lớn nhất), hơn 105 nghìn lượt khách từ Indonesia, hơn 145 nghìn lượt khách từ Ấn Độ. Du lịch Việt Nam có những thuận lợi về tài nguyên du lịch phong phú, khí hậu phù hợp và sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc biệt là du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch đến từ các nước Hồi giáo.

Người Hồi giáo rất thích đi du lịch và thuộc nhóm có chi tiêu cho du lịch ở mức cao trên thế giới. Người Hồi giáo trên thế giới hiện có khoảng 2,1 tỷ người, chiếm 1/4 dân số thế giới, gần nửa số người Hồi giáo sống ở các quốc gia phát triển, có thu nhập cao. Do đó, nhiều trung tâm du lịch trên thế giới, nhất là khu vực Đông Nam Á, đang chuẩn bị kỹ lưỡng để đón dòng khách tiềm năng này. Với lợi thế có rất nhiều kỳ quan thiên nhiên thế giới, Việt Nam đang là điểm đến có số du khách Hồi giáo tăng lên đáng kể. Khách Hồi giáo đến Việt Nam phần lớn từ các quốc gia Malaysia, Singapore, Ấn Độ, Indonesia, các nước Trung Đông... Đây là những thị trường gần với Việt Nam nên rất thuận lợi trong việc tiếp cận. Trong khi đó, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng xác định cần quan tâm phát triển các thị trường mới, nhiều tiềm năng, trong đó có thị trường Trung Đông, Ấn Độ có khả năng chi trả cao, du lịch dài ngày.

Nhiều năm nay, du khách từ các quốc gia Hồi giáo đến Việt Nam tăng đáng kể. Theo thống kê năm 2024, Việt Nam đón hơn 495 nghìn lượt khách từ Malaysia, hơn 184 nghìn lượt khách từ Indonesia, hơn 501 nghìn lượt khách từ Ấn Độ, trong đó Malaysia và Ấn Độ là 1 trong 10 thị trường khách quốc tế lớn nhất. Thống kê từ Cục Du lịch Quốc gia, Bộ VHTTDL, năm 2024, lượng khách Halal đến Việt Nam là công dân từ ba thị trường chính gồm Ấn Độ, Malaysia và Indonesia, đạt khoảng 1,2 triệu lượt, chiếm gần 7% trong tổng số 17,5 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam. Trong đó, thị trường Ấn Độ đang tăng trưởng mạnh, năm 2024, đã có 502.000 khách Ấn Độ đến Việt Nam, tăng gấp khoảng 1,28 lần so với năm 2023 (tương đương khoảng 128%).⁴

Tại một số điểm đến du lịch chính của Việt Nam như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương tập trung cộng đồng Hồi giáo cũng đã có một số doanh nghiệp quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ du khách theo đạo Hồi. Một số khách sạn đã bố trí các phòng cầu nguyện, thực đơn Halal cho du khách.

Du lịch Halal đóng vai trò then chốt, là cầu nối trực tiếp đưa sản phẩm và

⁴ Theo số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

dịch vụ Halal đến với người tiêu dùng Hồi giáo. Phát triển du lịch Halal không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam trên trường quốc tế mà còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, chế biến thực phẩm, vận tải, và thương mại phát triển theo một chuỗi giá trị đồng bộ. Khi du khách Hồi giáo đến Việt Nam, họ tạo ra nhu cầu tại chỗ cho các sản phẩm Halal, từ đó kích thích sản xuất trong nước và giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, tìm hiểu thị trường tiềm năng này một cách trực tiếp.

Mặc dù vậy, sự phát triển này còn mang tính tự phát và thiếu đồng bộ. Các cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ du khách theo đạo Hồi mới chỉ tập trung tại một số điểm đến du lịch chính của Việt Nam như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương tập trung cộng đồng Hồi giáo. Hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ liên quan được chứng nhận Halal theo tiêu chuẩn quốc tế còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng và yêu cầu khắt khe của du khách Hồi giáo, đặc biệt là phân khúc khách chi tiêu cao.

Trước xu thế nhu cầu sử dụng, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ Halal trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng ngày càng gia tăng, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định sản phẩm, dịch vụ Halal đang là xu hướng phát triển chung và sẽ phát triển nhanh trong thời gian tới do đảm bảo cung cấp được các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe con người và cho xã hội.

Từ tình hình thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, ban hành Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal là chủ trương đúng đắn và rất cần thiết của Chính phủ nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái Halal tại Việt Nam, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

- Thể chế hóa chủ trương, yêu cầu của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện thể chế về hoạt động đánh giá sự phù hợp, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal.

- Thiết lập một khung pháp lý thống nhất và đồng bộ để quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và chứng nhận sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn Halal; Quy định về tiêu chuẩn đối với sản phẩm, dịch vụ Halal tạo cơ sở để hài hòa hóa tiêu chuẩn Halal của Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; Xác định rõ quy trình, thủ tục đánh giá sự phù hợp sản phẩm, dịch vụ Halal; Phân định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chứng nhận Halal, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; Thúc đẩy việc ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chứng nhận Halal với các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia Hồi giáo, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập và mở rộng thị phần tại thị trường Halal quốc tế đầy tiềm năng (bao gồm thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm, dược phẩm, dịch vụ du lịch, tài chính...); Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ Việt Nam trên trường quốc tế; Thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh

vực sản xuất, chế biến sản phẩm Halal và cung cấp dịch vụ Halal tại Việt Nam. Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp du lịch phát triển dịch vụ du lịch Halal, góp phần đưa Việt Nam trở thành điểm đến thân thiện với người Hồi giáo.

- Đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam thực sự tuân thủ các yêu cầu Halal đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Hồi giáo (cả trong nước và khách du lịch quốc tế); Xây dựng lòng tin cho người tiêu dùng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal có nguồn gốc từ Việt Nam.

2. Quan điểm xây dựng

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị định này trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Đảm bảo phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn của các Bộ, ngành liên quan và địa phương.

- Đảm bảo phù hợp và hài hòa với những quy định của Hồi giáo về sản phẩm và dịch vụ Halal, về chứng nhận Halal.

- Đảm bảo hài hòa giữa quản lý nhà nước và lợi ích của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

- Đảm bảo phù hợp với những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không tạo ra các rào cản kỹ thuật không cần thiết.

- Đảm bảo đơn giản hóa, công khai, minh bạch thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong quá trình chứng nhận và quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đầy đủ quy trình soạn thảo dự thảo Nghị định, cụ thể:

1. Thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định (Quyết định số 704/QĐ-BKHCN ngày 28/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. Lập hồ sơ xây dựng Nghị định (Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; dự thảo Nghị định; Báo cáo về đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn).

3. Tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản gửi các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị định (Công văn số 3248/BKHCN-TĐC ngày 19/7/2025 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương góp ý hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định và Công văn số 3877/BKHCN-TĐC ngày 13/8/2025 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương góp ý hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định (gửi lần 2)).

Đồng thời, toàn văn nội dung dự thảo Nghị định cũng được đăng tải và cập nhật đầy đủ trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cổng TTĐT Chính phủ trong thời gian lấy ý kiến tối thiểu 10 ngày theo Luật Ban hành VBQPPL để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Ngày 15/8/2025, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã có Công văn số

824/TTĐT-BĐTCP gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó thông báo “*Sau thời gian đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do Quý Cơ quan chủ trì soạn thảo*”.

4. Đã gửi Thông báo dự thảo Nghị định cho các nước thành viên WTO theo quy định của Hiệp định WTO/TBT để đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hóa mà Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO (Thông báo WTO: G/TBT/N/VNM/353 ngày 24/7/2025).

5. Bộ KH&CN đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và rà soát để đảm bảo không chồng chéo, phù hợp với quy định hiện hành để hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ kèm theo, gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo Công văn số/BKHCN-TĐC ngày/...../2025 (Tờ trình số/TTr-BKHCN; dự thảo Nghị định; Báo cáo số/BC-BKHCN về thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và bản chụp ý kiến góp ý kèm theo).

6. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP đề ngày/...../2025) đối với dự thảo Nghị định trong Báo cáo kèm theo.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định toàn diện về quản lý chất lượng và các chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal. Phạm vi điều chỉnh bao gồm các yêu cầu về chất lượng, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, hoạt động đánh giá sự phù hợp, quản lý chứng nhận Halal, cùng với các quy định về kiểm tra, xử lý vi phạm.

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến trong quá trình xây dựng, tên của Nghị định đã được điều chỉnh để phản ánh chính xác phạm vi rộng lớn này. Việc bổ sung cụm từ "và chính sách phát triển" vào tên gọi nhằm làm rõ hai trụ cột chính mà văn bản hướng tới: không chỉ quản lý chất lượng mà còn thúc đẩy sự phát triển toàn diện của ngành Halal thông qua các chính sách hỗ trợ cụ thể.

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam hoặc để xuất khẩu; các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận; và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Nghị định không áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất nhằm phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 6 Chương 28 Điều, cụ thể như sau:

* Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3).

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Điều 3. Giải thích từ ngữ

* Chương II: Yêu cầu chung đối với sản phẩm, dịch vụ Halal (từ Điều 4 đến Điều 8).

- Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal

- Điều 5. Tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal

- Điều 6. Công bố tiêu chuẩn áp dụng

- Điều 7. Yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

- Điều 8. Yêu cầu về ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal

* Chương III: Hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm, dịch vụ Halal (từ Điều 9 đến Điều 16).

- Điều 9. Nguyên tắc hoạt động thử nghiệm sản phẩm Halal

- Điều 10. Nguyên tắc hoạt động chứng nhận Halal

- Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận Halal

- Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal

- Điều 13. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức chứng nhận Halal

- Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận đã đăng ký của tổ chức chứng nhận Halal

- Điều 15. Dấu chứng nhận Halal

- Điều 16. Thừa nhận kết quả chứng nhận Halal của tổ chức nước ngoài

* Chương IV: Kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính (từ Điều 17 đến Điều 20).

- Điều 17. Nội dung kiểm tra

- Điều 18. Trình tự, thủ tục kiểm tra tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal

- Điều 19. Trình tự, thủ tục kiểm tra tổ chức thử nghiệm sản phẩm Halal, tổ chức chứng nhận Halal

- Điều 20. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Halal

* Chương V: Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal (từ Điều 21 đến Điều 23).

- Điều 21. Chính sách về hợp tác quốc tế

- Điều 22. Chính sách về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

- Điều 23. Chính sách về hỗ trợ nguồn lực

* Chương VI: Tổ chức thực hiện (từ Điều 24 đến Điều 28).

- Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sản phẩm, dịch vụ Halal

- Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal
- Điều 27. Quy định chuyển tiếp
- Điều 28. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng và các chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal, tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau:

2.1. Yêu cầu chung và tiêu chuẩn áp dụng

Dự thảo quy định sản phẩm, dịch vụ Halal phải tuân thủ các yêu cầu trong tiêu chuẩn đã công bố áp dụng. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tự công bố tiêu chuẩn áp dụng (có thể là TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài) trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Các yêu cầu cụ thể bao trùm từ nguyên liệu, phụ gia, quy trình sản xuất đảm bảo vệ sinh và ngăn ngừa nhiễm chéo, cho đến việc bao gói, bảo quản, vận chuyển phải tách biệt để bảo toàn tính Halal.

2.2. Ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc

phải tuân thủ pháp luật về nhãn hàng hóa và phải có cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc từ "HALAL" (bằng chữ Latinh in hoa) trên nhãn. Cụm từ này phải được ghi ở vị trí dễ thấy, rõ ràng, dễ đọc và không thể tẩy xóa trước khi sản phẩm được lưu thông trên thị trường Việt Nam. Đối với hàng hóa xuất khẩu, có thể ghi bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của nước nhập khẩu. Dự thảo Nghị định quy định rõ 2 trường hợp không bắt buộc phải ghi cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc "HALAL" trực tiếp trên nhãn sản phẩm.

Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2.3. Quy định về hoạt động thử nghiệm, chứng nhận đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

Hoạt động chứng nhận Halal tại Việt Nam phải do các tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của Nghị định này thực hiện. Dự thảo quy định cụ thể các điều kiện mà một tổ chức chứng nhận phải đáp ứng, trong đó có yêu cầu quan trọng là phải có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá chính thức là người Hồi giáo và hệ thống quản lý đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13888.

2.4. Dấu chứng nhận Halal và thừa nhận kết quả quốc tế

Dấu chứng nhận Halal được sử dụng để chứng tỏ sản phẩm, dịch vụ đã được một tổ chức có thẩm quyền đánh giá và xác nhận phù hợp với tiêu chuẩn Halal. Đáng chú ý, kết quả chứng nhận của tổ chức nước ngoài có thể được thừa nhận tại Việt Nam nếu thuộc khuôn khổ các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) mà Việt Nam là thành viên, hoặc được công nhận bởi các tổ chức công nhận quốc tế, khu vực hoặc các cơ quan có thẩm quyền về Halal uy tín trên thế giới.

2.5. Quy định về kiểm tra, xử lý vi phạm và trách nhiệm quản lý

Nghị định quy định rõ nội dung kiểm tra đối với cả doanh nghiệp sản xuất và tổ chức chứng nhận. Trình tự, thủ tục kiểm tra sẽ tuân theo pháp luật về kiểm tra chuyên ngành. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định sẽ bị xử lý vi phạm hành chính tùy theo tính chất và mức độ, dựa trên Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định liên quan. Dự thảo phân công trách nhiệm quản lý nhà nước cho các Bộ, ngành, trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chung về tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, trong khi các Bộ khác như Nông nghiệp, Công Thương, Y tế quản lý theo lĩnh vực chuyên ngành của mình.

2.6. Quy định về chính sách Hỗ trợ và thúc đẩy phát triển

Nhà nước sẽ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ ngành Halal, bao gồm: chủ động đàm phán, ký kết các thỏa thuận quốc tế ; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường ; hỗ trợ về nguồn lực như chi phí tư vấn, đào tạo, chứng nhận và xây dựng Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia.

Chi tiết các nội dung trong dự thảo Nghị định kèm theo.

3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định quy định nhóm thủ tục hành chính (TTHC) về đăng ký hoạt động chứng nhận Halal, bao gồm cấp mới, cấp bổ sung/sửa đổi và cấp lại Giấy chứng nhận. Về bản chất, đây là việc quy định các điều kiện đặc thù cho lĩnh vực Halal dựa trên khung pháp lý hiện hành về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, không phải là một thủ tục hoàn toàn mới.

Việc xây dựng thủ tục hành chính này thể hiện rõ chủ trương đơn giản hóa, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, như:

- Thống nhất hóa thủ tục: Trước đây, doanh nghiệp muốn xuất khẩu phải tự tìm hiểu và xin nhiều loại chứng nhận Halal khác nhau cho từng thị trường, gây tốn kém chi phí và thời gian. Nghị định tạo ra một khung pháp lý duy nhất, một đầu mối quản lý tại Bộ Khoa học và Công nghệ, giúp doanh nghiệp giảm bớt gánh nặng phải xin nhiều chứng chỉ, qua đó đơn giản hóa thủ tục và cắt giảm chi phí tuân thủ.

- Thực hiện trên môi trường điện tử: Dự thảo quy định rõ việc nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận được thực hiện qua Cổng dịch vụ công Quốc gia. Đây là giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ, phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, giúp tăng tính minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

4. Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước về Halal, cụ thể:

- Điều 25 của dự thảo quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trong việc tổ chức triển khai, phổ biến, giám sát việc thực hiện pháp luật về Halal trên địa bàn ; chỉ đạo các Sở, ban, ngành thực hiện quản lý theo chức năng; tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm; lồng ghép mục tiêu phát triển ngành Halal vào kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương ; xây dựng và thực hiện các

chương trình xúc tiến thương mại Halal cấp tỉnh; và ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực Halal tại địa phương. Dự thảo cũng quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc tuyên truyền, rà soát và phối hợp kiểm tra.

- Đối với thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho tổ chức chứng nhận Halal, dự thảo quy định thẩm quyền thuộc về Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc chưa phân cấp thủ tục này cho địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất và chất lượng đồng bộ trên cả nước, do đây là lĩnh vực mới, đòi hỏi chuyên môn sâu và nguồn lực chuyên gia đặc thù.

5. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định thể hiện rõ định hướng ứng dụng và thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong việc phát triển ngành Halal tại Việt Nam, cụ thể:

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo: Khoản 5 Điều 4 của dự thảo khuyến khích các tổ chức, cá nhân "thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Halal Việt Nam".

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia: Một trong những chính sách hỗ trợ cốt lõi tại Khoản 4 Điều 23 là việc xây dựng Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia, tích hợp đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đây là bước đi quan trọng trong chuyển đổi số, tạo nền tảng để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, pháp lý và kỹ thuật một cách minh bạch, hiệu quả.

- Ứng dụng công nghệ trong thủ tục hành chính: Điều 13 quy định việc nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận Halal được thực hiện qua Cổng dịch vụ công Quốc gia. Điều này giúp đơn giản hóa thủ tục, tăng tính minh bạch, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

6. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên nguyên tắc tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không tạo ra các rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại. Dự thảo Nghị định thúc đẩy việc hài hòa tiêu chuẩn, ưu tiên tham chiếu và áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế được thừa nhận rộng rãi về Halal (OIC/SMIIC, Codex). Điều 16 và Điều 21 của dự thảo quy định rõ về việc thừa nhận kết quả chứng nhận của tổ chức nước ngoài và chính sách chủ động đàm phán, ký kết các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA), hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật về hợp tác quốc tế.

Trong quá trình xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Thông báo dự thảo Nghị định cho các nước thành viên WTO (Thông báo G/TBT/N/VNM/353 ngày 24/7/2025) để đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hóa theo cam kết quốc tế.

7. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

Trong quá trình xây dựng dự thảo, một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau đã được Ban soạn thảo tổng hợp, giải trình. Bộ Khoa học và Công nghệ xin báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề sau:

1. Về nội dung điều kiện chuyên gia đánh giá phải là người Hồi giáo

Khoản 3 Điều 11 dự thảo quy định tổ chức chứng nhận Halal phải "Có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức... là người Hồi giáo". Một số ý kiến cho rằng quy định này có thể gây khó khăn về nhân sự do cộng đồng người Hồi giáo tại Việt Nam còn nhỏ và đề nghị có lộ trình chuyển tiếp hoặc cho phép chuyên gia không phải người Hồi giáo nhưng đã được đào tạo chuyên sâu tham gia.

Bộ Khoa học và Công nghệ giải trình nội dung này như sau: Yêu cầu chuyên gia đánh giá phải là người Hồi giáo là điều kiện cốt lõi, mang tính đặc thù của chứng nhận Halal để đảm bảo tính toàn vẹn và sự am hiểu sâu sắc về các nguyên tắc tôn giáo. Đây cũng là yêu cầu bắt buộc của hầu hết các cơ quan công nhận Halal uy tín trên thế giới và các thị trường nhập khẩu lớn. Nếu không có quy định này, chứng nhận Halal của Việt Nam sẽ khó được quốc tế thừa nhận. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm kê khai trung thực và tự chịu trách nhiệm về thông tin nhân sự.

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giữ nguyên quy định tại Khoản 3 Điều 11 như trong dự thảo để đảm bảo uy tín và sự công nhận quốc tế cho chứng nhận Halal của Việt Nam.

2. Về nội dung đề xuất thành lập Hội đồng Shariah Halal Quốc gia

Có ý kiến đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập một "Hội đồng Shariah Halal Quốc gia" để phê chuẩn tiêu chí sử dụng dấu, giải thích các vấn đề về tôn giáo và tham mưu xử lý các vi phạm liên quan đến Shariah.

Bộ Khoa học và Công nghệ giải trình nội dung này như sau: Việc một cơ quan quản lý nhà nước thành lập một hội đồng có chức năng diễn giải luật tôn giáo và ra các nghị quyết có tính bắt buộc là không phù hợp với khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam về vai trò của nhà nước và hoạt động tôn giáo. Các quyết định quản lý nhà nước, bao gồm cả việc xử lý vi phạm, phải dựa trên hệ thống pháp luật của Việt Nam, không thể dựa trên luật tôn giáo. Việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã có cơ chế tham vấn các chuyên gia là người Hồi giáo như quy định tại Khoản 1 Điều 5.

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giữ nguyên như dự thảo không đề xuất thành lập Hội đồng Shariah Halal Quốc gia.

3. Về nội dung ban hành Dấu Halal quốc gia thống nhất

Có ý kiến đề nghị cần có một Dấu Halal quốc gia thống nhất do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành để đảm bảo tính đồng bộ và tránh gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi có nhiều dấu của các tổ chức chứng nhận khác nhau.

Bộ Khoa học và Công giải trình nội dung này như sau: Hiện nay, thị trường Halal của Việt Nam chủ yếu hướng đến xuất khẩu. Mỗi quốc gia, khu vực nhập khẩu lại có quy định và mẫu dấu chứng nhận riêng mà họ thừa nhận. Việc ban hành một dấu quốc gia ở thời điểm này là chưa thực sự cần thiết, có thể không được các thị trường chấp nhận và không giải quyết được bài toán xuất khẩu. Trong khi đó, thị trường tiêu dùng Halal trong nước còn nhỏ.

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giữ nguyên như dự thảo không quy định Dấu Halal quốc gia. Dự thảo quy định các tổ chức chứng nhận đăng ký mẫu dấu của mình với cơ quan nhà nước, phù hợp với thông lệ chung và đáp ứng yêu cầu linh hoạt của thị trường.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về bảo đảm nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

a) Dự kiến nguồn nhân lực

Việc triển khai Nghị định chủ yếu sẽ do đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế hiện có của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp đảm nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Nghị định. Cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và phổ biến kiến thức liên quan đến lĩnh vực Halal. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đưa nội dung đào tạo về Halal vào chương trình giảng dạy để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai.

b) Dự kiến nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thi hành Nghị định được huy động từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác, cụ thể:

- Kinh phí từ ngân sách trung ương:

- + Kinh phí thường xuyên cho các hoạt động quản lý nhà nước, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định và theo dõi, đánh giá tình hình thực thi.

- + Lồng ghép kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ trong các chương trình mục tiêu và chương trình phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt, bao gồm: Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường; Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng để hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý, đào tạo và nâng cao năng lực.

- + Bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì.

- + Bố trí kinh phí cho các hoạt động hợp tác quốc tế, đàm phán, ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về Halal.

- Kinh phí từ ngân sách địa phương:

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để tổ chức triển khai, phổ biến, giám sát việc thực hiện Nghị định trên địa bàn.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại Halal cấp tỉnh, phù hợp với tiềm năng và định hướng phát triển của địa phương.

- Các nguồn kinh phí khác:

+ Huy động sự tham gia, đóng góp từ các doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Vận động các hoạt động tài trợ, dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế.

2. Thời gian trình Chính phủ: Tháng 12/2025.

Trên đây là nội dung Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal, Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Tờ trình; (2) Dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal; (3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo; (7) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ KH&CN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG